



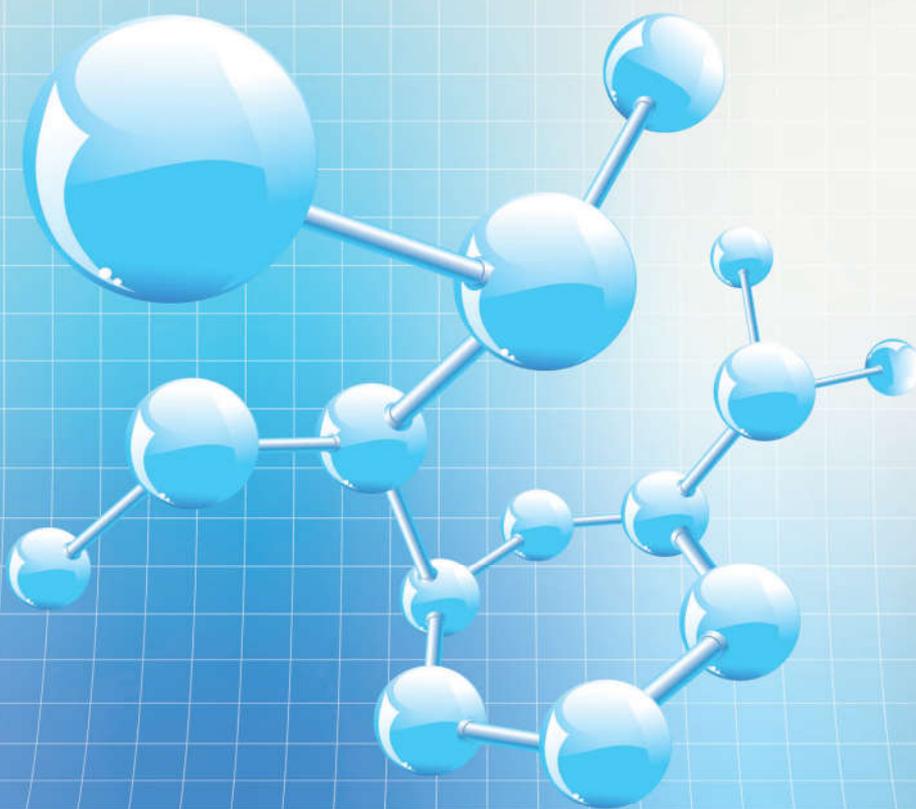
**Tap chí**

# **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY**

P. ISSN 1859-4190  
E. ISSN 2815-553X



**Số 1 (84)**

**2024**

**P. ISSN 1859-4190**  
**E. ISSN 2815-553X**

■ **Tổng Biên tập**

TS. Đỗ Văn Đĩnh

■ **Phó Tổng biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

■ **Thư ký Tòa soạn**

PGS.TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

NGND.TS. Đinh Văn Nhung - Chủ tịch Hội đồng

GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến

PGS.TSKH. Trần Hoài Linh

PGS.TS. Nguyễn Quốc Cường

PGS.TS. Nguyễn Văn Liên

GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Trần Văn Địch

GS.TS. Phạm Minh Tuấn

PGS.TS. Nguyễn Doãn Ý

GS.TS. Đinh Văn Sơn

PGS.TS. Trương Thị Thủy

TS. Vũ Quang Thập

PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

GS.TS. Đỗ Quang Kháng

TS. Bùi Văn Ngọc

PGS.TS. Ngô Sỹ Lương

PGS.TS. Khuất Văn Ninh

GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải

PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

GS.TS. Yu Ming Zhang

TS. Nguyễn Văn Anh

■ **Ban Biên tập**

ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Trưởng ban

ThS. Đào Thị Vân

■ **Editor-in-Chief**

Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**

Assoc.Prof.Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

People's Teacher, Dr. Dinh Van Nhung - Chairman

Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen

Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Quoc Cuong

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien

Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan

Prof.Dr.Sc. Banh Tien Long

Prof.Dr. Tran Van Dich

Prof.Dr. Pham Minh Tuan

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Doan Y

Prof.Dr. Dinh Van Son

Assoc.Prof.Dr. Truong Thi Thuy

Dr. Vu Quang Thap

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Thi Bat

Prof.Dr. Do Quang Khang

Dr. Bui Van Ngoc

Assoc.Prof.Dr. Ngo Sy Luong

Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh

Prof.Dr.Sc. Pham Hoang Hai

Assoc.Prof.Dr. Doan Ngoc Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Ngoc Ha

Prof.Dr. Yu Ming Zhang

Dr. Nguyen Van Anh

■ **Editorial**

MSc. Doan Thi Thu Hang - Head

MSc. Dao Thi Van

**Địa chỉ Tòa soạn:**

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/>Email: [tapchikhcn@saodo.edu.vn](mailto:tapchikhcn@saodo.edu.vn).

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.  
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

#### LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- Xây dựng một hệ thống nhận dạng tiếng nói và hình ảnh sử dụng các mạng học sâu trên vi điều khiển hạn chế tài nguyên và bộ nhớ 5 Vũ Văn Nghĩa  
Cung Thành Long
- Nhận diện khuôn mặt với OPENCV và thuật toán LBPH 11 Lê Hải Thanh  
Đoàn Vân Chi  
Nguyễn Hữu Phát  
Nguyễn Trọng Các
- Truyền thông không dây giữa phương tiện giao thông trên sóng Milimet 18 Vũ Bảo Tạo  
Nguyễn Thị Quyên  
Nguyễn Thị Phương Oanh
- Xây dựng hệ thống thu thập và cảnh báo sự cố của động cơ trên tàu thủy dựa trên tín hiệu độ rung 24 Nguyễn Đức Thành  
Trần Hoài Linh  
Nguyễn Công Phương  
Đỗ Văn Đình  
Phạm Văn Nam

#### LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- Nghiên cứu động lực học quay vòng của xe ô tô tải khi đi trên đường nhựa khô 31 Đào Đức Thụ  
Nguyễn Đình Cường  
Phùng Đức Hải Anh  
Lương Quý Hiệp
- Phương pháp ghép nối các tấm thép silicon trong stator của động cơ điện: Tổng quan - Phần 1 37 Nguyễn Hoàng Minh Trí  
Ngô Hữu Mạnh  
Trịnh Văn Cường  
Mạc Thị Nguyên
- So sánh chất lượng bề mặt của chi tiết máy khi hóa bền bằng các phương pháp biến dạng dẻo khác nhau 44 Nguyễn Văn Hình  
Mạc Thị Nguyên
- Nghiên cứu xây dựng hệ thống cỡ số cơ thể học sinh nam tiểu học tại thành phố Chí Linh 49 Bùi Thị Loan  
Nguyễn Thị Hồi

#### NGÀNH KINH TẾ

- Giải pháp xây dựng thương hiệu cho nông sản Việt Nam 55 Nguyễn Thị Thủy

**NGÀNH KINH TẾ**

- Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp sản xuất gạch Tuynel trên địa bàn tỉnh Hải Dương 61 Định Thị Kim Thiết
- Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương 68 Ngô Thị Luyện  
Nguyễn Thị Ngọc Mai
- Kiểm soát thu bảo hiểm xã hội bắt buộc trên địa bàn thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương 75 Vũ Thị Thanh Thủy

**LIÊN NGÀNH HÓA HỌC - THỰC PHẨM**

- Nghiên cứu khả năng hấp thụ Phenol của vật liệu chế tạo từ vỏ trấu 82 Vũ Hoàng Phương

**NGÀNH GIÁO DỤC HỌC**

- Day học Hóa học ứng dụng theo định hướng phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho sinh viên ngành Điện tại Trường Đại học Sao Đỏ 88 Phạm Thị Điệp  
Lê Ngọc Hòa

**LIÊN NGÀNH KHOA HỌC TRÁI ĐẤT - MỎ**

- Đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến sự kiện du lịch ở Việt Nam 95 Nguyễn Thị Sao  
Tăng Thị Hồng Minh

**LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC**

- Nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khát vọng cống hiến cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ 101 Phạm Xuân Đức
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay 107 Trần Thị Hồng Nhung
- “Đề cương văn hóa Việt Nam” nội dung và ý nghĩa 113 Phạm Văn Dự
- Quan hệ biện chứng giữa tính cách mạng và tính khoa học trong công tác tư tưởng của Đảng ta hiện nay 117 Trần Thị Hồng Nhung
- Bảo vệ nền tảng tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh chống lại quan điểm sai trái, thù địch của kẻ thù theo quan điểm Đại hội XIII của Đảng 123 Nguyễn Thị Hiền

**TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION**

- Deep learning on microcontroller limited resources and memory an application to a speech and image recognition system 5 Vu Van Nghia  
Cung Thanh Long
- Face recognition with OPENCV and LBPH algorithm 11 Le Hai Thanh  
Doan Van Chi  
Nguyen Huu Phat  
Nguyen Trong Cac
- Vehicle to vehicle wireless communications on millimeter wave 18 Vu Bao Tao  
Nguyen Thi Quyen  
Nguyen Thi Phuong Oanh
- Developing a System for Collecting and Alerting Incidents of Ship Engine Failures Based on Vibration Signals 24 Nguyen Duc Thanh  
Tran Hoai Linh  
Nguyen Cong Phuong  
Do Van Dinh  
Pham Van Nam

**TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING**

- Research on the turning dynamics of trucks when traveling on dry asphalt roads 31 Dao Duc Thu  
Nguyen Dinh Cuong  
Phung Duc Hai Anh  
Luong Quy Hiep
- Joining of the silicon sheets steel in stator of the electric motors: Review - Part 1 37 Nguyen Hoang Minh Tri  
Ngo Huu Manh  
Trinh Van Cuong  
Mac Thi Nguyen
- Comparison of the quality of the surface layer of parts reinforced by various methods plastic deformation 44 Nguyen Van Hinh  
Mac Thi Nguyen
- Study on building body size system for of primary school boys in Chi Linh city 49 Bui Thi Loan  
Nguyen Thi Hoi

**TITLE FOR ECONOMICS**

- Solutions for building brand for Vietnam agriculture products 55 Nguyen Thi Thuy

**TITLE FOR ECONOMICS**

- Current status of cost management accounting at Tuynel brick producing enterprises in Hai Duong province 61 Dinh Thi Kim Thiet
- Economic development associated with environmental protection in Hai Duong province 68 Ngo Thi Luyen  
Nguyen Thi Ngoc Mai
- Control of compulsory social insurance collection in Chi Linh city, Hai Duong province 75 Vu Thi Thanh Thuy

**TITLE FOR CHEMISTRY AND FOOD TECHNOLOGY**

- Study on Phenol adsorption capacity of materials made from rice husks 82 Vu Hoang Phuong

**TITLE FOR EDUCATION**

- Teaching applied chemistry with the orientation of developing the ability to apply knowledge into practice for electrical students at Sao Do University 88 Pham Thi Diep  
Le Ngoc Hoa

**TITLE FOR EARTH SCIENCE - MINING**

- Assessment of the impact of Covid-19 and economic downturn to tourism in Viet Nam 95 Nguyen Thi Sao  
Tang Thi Hong Minh

**TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE**

- Improve the educational effectiveness of revolutionary ideals, ethics, lifestyle and arouse the desire to devote to students of Sao Do University 101 Pham Xuan Duc
- Ho Chi Minh's ideology on industrialization and its application by the Communist Party of Viet Nam today 107 Tran Thi Hong Nhung
- "Vietnamese cultural outline" content and meaning 113 Pham Van Du
- Dialectical relationship between revolutionary and scientific nature in the ideological work of our Party today 117 Tran Thi Hong Nhung
- Protecting the ideological foundation of great national unity, fighting against the wrong and hostile views of the enemy according to the viewpoint of the 13<sup>th</sup> Party Congress 123 Nguyen Thi Hien

# Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp sản xuất gạch Tuynel trên địa bàn tỉnh Hải Dương

## Current status of cost management accounting at Tuynel brick producing enterprises in Hai Duong province

Đinh Thị Kim Thiết

\*Tác giả liên hệ: duongkhanh2010@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 08/11/2023

Ngày nhận bài sửa sau phân biện: 28/3/2024

Ngày chấp nhận đăng: 29/3/2024

### Tóm tắt

DN sản xuất (DNSX) gạch tuynel là doanh nghiệp (DN) có đặc điểm sản xuất khá phức tạp, sản phẩm trải qua nhiều giai đoạn sản xuất. Mặt khác, chủng loại gạch tuynel cũng rất đa dạng, một phân xưởng hoặc một quy trình sản xuất có thể đồng thời sản xuất ra nhiều loại sản phẩm khác nhau. Chính vì thế quản trị chi phí trong các DNSX gạch tuynel là một trong những vấn đề mà nhà quản lý điều hành quan tâm. Quản trị tốt chi phí quyết định đến sự thành công của DN. Tuy nhiên, hiện nay việc quản trị chi phí trong các DNSX gạch tuynel chưa được quan tâm đúng mức và việc thực hiện còn tồn tại nhiều hạn chế, đặc biệt là trong việc vận dụng các kỹ thuật quản trị chi phí hiện đại. Bài viết tìm hiểu thực trạng kế toán quản trị (KTQT) chi phí tại các DNSX gạch tuynel trên địa bàn tỉnh Hải Dương, các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng quản trị chi phí tại các DN, các hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị chi phí; DN sản xuất gạch tuynel; thực trạng.

### Abstract

Enterprises producing tunnel bricks are enterprises with quite complex production characteristics, the products go through many stages of production. On the other hand, the types of tunnel bricks are also very diverse, a workshop or a production process can simultaneously produce many different types of products. Therefore, cost management in brick tunnel production enterprises is one of the issues that executives are concerned about. Good cost management determines the success of a business. However, currently, cost management in tunnel brick production enterprises has not received adequate attention and the implementation still has many limitations, especially in the application of modern cost management techniques. The article explores the current status of cost management accounting at tunnel brick production enterprises in Hai Duong province, factors affecting the application of cost management at enterprises, limitations and causes, thereby proposing complete solutions.

**Keywords:** Cost management accounting; Tuynel brick production enterprises; current situation.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, do sự tác động của yếu tố dịch bệnh và sự suy giảm của nền kinh tế đã ảnh hưởng không nhỏ đến các DNSX trong đó có các DNSX gạch tuynel. Cụ thể, DN đầu tư với số vốn lớn cho hoạt động sản xuất nhưng khó khăn trong việc thu hồi vốn. Sự biến động bất thường của giá cả nguyên vật liệu đầu vào, sự cạnh tranh khốc liệt của các sản phẩm cùng loại trong và ngoài nước... đòi hỏi DN phải nâng cao năng lực cạnh tranh, nắm rõ thông tin kinh tế bên trong cũng như bên ngoài nhằm kiểm soát tình

hình hoạt động sản xuất kinh doanh và lập kế hoạch những thay đổi nằm ngoài sự kiểm soát.

Kế toán quản trị (KTQT) chi phí là một bộ phận quan trọng của hệ thống KTQT trong DN. KTQT chi phí có chức năng đo lường, phân tích về tình hình chi phí nhằm mục tiêu lập dự toán, xây dựng định mức, kiểm soát chi phí, ra quyết định kinh doanh tối ưu. Trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, KTQT chi phí ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các nhà quản trị ra các quyết định hiệu quả. Tuy nhiên, qua khảo sát sơ bộ, công tác kế toán chi phí trong các DNSX gạch tuynel tại Hải Dương hiện nay mới chỉ tập trung chủ yếu vào thông tin kế toán tài chính phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính. Việc cung cấp

Người phân biện: 1. GS.TS. Chúc Anh Tú  
2. TS. Nguyễn Minh Tuấn

thông tin kế toán chi phí phục vụ cho việc ra các quyết định hay lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh vẫn đang là vấn đề chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức. Vì vậy, hiệu quả và mức độ vận dụng KTQT chi phí trong các DNSX gạch tuynel còn tồn tại nhiều hạn chế, cần thiết phải nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả KTQT chi phí tại các DN.

## 2. THỰC TRẠNG

Hiện nay, KTQT chi phí ở các DN sản xuất gạch Tuynel tỉnh Hải Dương về cơ bản đã hình thành và được vận dụng trong công tác quản trị doanh nghiệp. Để làm rõ những tồn tại và hạn chế trong quá trình vận dụng và có những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác KTQT tại các DN, tác giả đã tiến hành thu thập thông tin của 25 DN sản xuất gạch Tuynel trên địa bàn tỉnh Hải Dương, từ đó tổng hợp, phân tích và đánh giá thực trạng ở từng khía cạnh cụ thể.

### 2.1. Nhận diện và phân loại và tập hợp chi phí

Các DN được khảo sát đều thực hiện phân loại chi phí, tiêu thức phân loại của các DN này là theo nội dung kinh tế của chi phí, cụ thể như sau: - Chi phí nguyên liệu, vật liệu - Chi phí về công cụ, dụng cụ - Chi phí nhân công - Chi phí khấu hao tài sản cố định - Chi phí đồ dùng văn phòng, vật liệu quản lý - Chi phí dịch vụ mua ngoài, phân bổ chi phí trả trước - Các chi phí khác bằng tiền.

Tuy nhiên, việc phân loại chi phí tại các công ty mới chỉ đáp ứng cho nhu cầu của kế toán tài chính mà chưa chú trọng đến nhu cầu của kế toán quản trị. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất gạch tuynel để tạo ra một sản phẩm hoàn chỉnh, nguyên vật liệu phải trải qua nhiều giai đoạn công nghệ khác nhau như: Cấp liệu → cán thô → cán mịn → nhào → đùn → phơi → sấy → nung, do đó, thuận lợi cho việc phân định chi phí cho từng hoạt động và kiểm soát được luồng chi phí hoạt động đến sản phẩm, dịch vụ theo tỷ lệ nhu cầu đối với từng hoạt động của từng sản phẩm. Tuy nhiên, hầu hết các DN chưa tiếp cận được các kỹ thuật quản trị chi phí hiện đại... Chẳng hạn, để phục vụ cho kế toán quản trị ra quyết định liên quan đến định giá bán sản phẩm, thông tin chi phí cần cung cấp là biến phí, định phí, chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp và các phương pháp phân bổ chi phí hợp lý, kế toán quản trị chi phí sẽ sử dụng phương pháp chi phí dựa trên mức độ hoạt động, hạch toán chi phí theo vòng đời... Để cắt giảm chi phí, kế toán quản trị sử dụng kỹ thuật quản trị như chi phí mục tiêu, chi phí Kaizen... Thực trạng cho thấy, các DN chủ yếu chỉ thực hiện phân loại chi phí theo các khoản mục nhằm mục đích phản ánh và đo lường chi phí, phục vụ cho yêu cầu cung cấp thông tin trên báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan có thẩm

quyền mà chưa thực sự hướng tới nhu cầu kiểm soát chi phí tại DN.

### 2.2. Xây dựng định mức và dự toán chi phí

Do đặc thù của ngành sản xuất, các sản phẩm đa dạng và có yêu cầu kỹ thuật cao, vì thế 100% các DN khảo sát đều xây dựng định mức chi phí cho từng loại sản phẩm dựa trên kinh nghiệm triển khai thực tế và tiêu chí kỹ thuật làm căn cứ trong quá trình thực hiện và kiểm soát chi phí. Chính vì vậy, khi xây dựng định mức cho từng kỳ dự toán, các công ty sản xuất gạch tuynel thường tập trung nhiều ước tính thay đổi về giá, như thay đổi đơn giá đầu vào của nguyên vật liệu hay đơn giá tiền lương của người lao động. Tuy nhiên, định mức chi phí quản lý DN, chi phí tài chính và chi phí khác thì chỉ có 4 DN, chiếm 16% DNSX gạch tuynel lập và thường lập 1 lần duy nhất vào đầu niên độ kế toán [4].

Việc xây dựng định mức chưa có sự tham gia đầy đủ của các bộ phận có liên quan, đặc biệt là sự tham gia của bộ phận kỹ thuật và vật tư hoặc đại diện người lao động.

Đối với dự toán: Hầu hết các DN sản xuất gạch tuynel đi vào xây dựng dự toán sản lượng tiêu thụ, dự toán chi phí sản xuất, cùng các khoản chi phí lớn, như: Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí lãi vay, chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn phân bổ. Các dự toán này thường được lập theo năm tài chính và được thực hiện theo mô hình quản trị tập trung và là các dự toán tĩnh -thường chỉ phù hợp với những DN sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng, tình hình sản xuất kinh doanh ổn định, không có ý nghĩa trong việc đánh giá hiệu quả kiểm soát chi phí thực tế của DN. Việc lập dự toán chi phí mới chỉ dừng lại ở mức độ so sánh số liệu thực tế với kế hoạch đối với một số chi tiêu. Chưa thực hiện xây dựng định mức theo hoạt động và lập dự toán trên cơ sở các trung tâm trách nhiệm.

### 2.3. Kế toán chi phí hoạt động và tính giá thành sản phẩm

Về cơ bản, các DN đều xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí là từng loại sản phẩm hoặc từng phân xưởng sản xuất. Giá thành của từng loại sản phẩm thường được tính theo phương pháp hệ số hoặc phương pháp tỷ lệ. Hầu hết các DN chưa có bất kỳ DN nào thực hiện việc tính giá thành toàn bộ cho sản phẩm bao gồm cả chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN liên quan trực tiếp đến sản phẩm, việc này làm cho quá trình xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng loại sản phẩm không được đầy đủ, chính xác.

Việc phân bổ chi phí sản xuất chung chỉ dựa vào một tiêu thức phân bổ, đó là số sản phẩm hoàn thành, không phản ánh được mức tiêu hao nguồn lực vào từng hoạt động, từng sản phẩm, không phản ánh chính xác giá thành từng loại sản phẩm, xác định các nhân

tổ chi phí chưa phù hợp dẫn đến việc định giá bán sản phẩm không phù hợp. Từ đó, không cung cấp được góc nhìn chiến lược về quản lý chi phí và kết hợp sản phẩm cho nhà quản trị.

**2.4. Phân tích các chỉ tiêu chi phí phục vụ cho việc ra quyết định**

Hiện tại có 48% DN sản xuất gạch tuynel tỉnh Hải Dương được khảo sát có thực hiện hoạt động phân tích biến động chi phí phục vụ kiểm soát chi phí. Tuy nhiên, mức độ phân tích biến động chi phí còn đơn giản. Việc phân tích thông tin chi phí không được thực hiện theo hệ thống và giao cho bộ phận chuyên trách. Việc phân tích thông tin chi phí chỉ là một phần nhỏ trong công việc của các phòng ban, các con số đơn thuần chỉ là so sánh kỳ thực hiện với kế hoạch và với năm trước.

Đối với lĩnh vực sản xuất gạch tuynel có sự cạnh tranh khốc liệt về giá cả và chất lượng. Chính vì thế việc phân tích vị thế của các đối thủ cạnh tranh trong ngành bằng cách đánh giá và giám sát các xu hướng trong doanh thu bán hàng, thị phần, số lượng hàng bán, giá thành đơn vị và lợi nhuận trên doanh thu của các đối thủ, giúp DN đánh giá vị thế cạnh tranh so với các đối thủ chính, từ đó kiểm soát hoặc xây dựng chiến lược của chính mình. Tuy nhiên, hầu hết các DN chưa quan tâm đến việc phân tích, đánh giá thông tin chi phí bên ngoài DN (như khách hàng, đối thủ cạnh tranh). Vì vậy, có thể nói vai trò của việc phân tích thông tin ở đây chỉ mang tính chất ngắn hạn và tư vấn theo dạng kiểm soát thực hiện hơn là mang tính chất chiến lược dài hạn.

Bảng 1. Bảng tổng hợp kết quả khảo sát về phân tích và cung cấp thông tin

TT	Tiêu thức	Số lượng DN	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>DN có thực hiện phân tích thông tin chi phí phục vụ cho việc ra quyết định hay không</b>		
a	Có	12	48%
b	Không	0	0%
<b>2</b>	<b>Mục đích của việc phân tích thông tin chi phí ở DN</b>		
a	Phục vụ cho việc kiểm soát chi phí	12	48%
b	Phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn	12	48%
c	Phân tích đánh giá kết quả hoạt động của các trung tâm trách nhiệm	3	12,0%
d	Phân tích thông tin chi phí để ra quyết định tiếp tục sản xuất hay ngừng hoạt động	0	0%
e	Phân tích thông tin chi phí để tự làm hay thuê ngoài	3	12,0%

Nguồn: Tác giả tổng hợp

**2.5. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí**

Về đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý và tổ chức bộ máy kế toán, hầu hết các DNSX gạch tuynel đều có bộ máy tổ chức quản lý theo mô hình giản đơn và trực tuyến - chức năng, tức là nhà quản trị cấp cao (giám đốc, chủ tịch hội đồng quản trị) trực tiếp điều hành hoạt động của các DN, trong đó từng nhiệm vụ chuyên môn do các bộ phận chức năng trong đơn vị đảm nhiệm. Tổ chức bộ máy kế toán hầu hết các DNSX gạch tuynel đang áp dụng mô hình kế toán tập trung chiếm khoảng 88%. Các DNSX gạch tuynel đã thực hiện công tác KTQT tuy nhiên chưa xây dựng bộ máy KTQT riêng mà kết hợp chung với kế toán tài chính. Điều này ảnh hưởng đến tính chuyên môn hóa và hệ thống trong việc lập các báo cáo quản trị chi phí của DN.

Kết quả khảo sát 25 DN xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương cho thấy hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí còn hết sức đơn giản, mới chỉ dừng lại ở việc thu thập, ghi chép thông tin để lập báo cáo tài chính là chủ yếu. Vì thế thông tin cung cấp sơ đẳng, hệ thống báo cáo chưa có mẫu biểu thống nhất, đầy đủ, chưa thực sự đóng vai trò cung cấp thông tin phục vụ nhu cầu của nhà quản trị DN. Tại thời điểm khảo sát các DN được khảo sát đều không có các báo cáo KTQT chuyên biệt dùng để tư vấn lựa chọn phương án SXKD, ra quyết định. Kết quả khảo sát có 3/25 DN sử dụng báo cáo chi phí gắn với trung tâm chi phí là các phân xưởng sản xuất (chiếm 12%). Các báo cáo này chủ yếu cung cấp các thông tin cơ bản, chưa phân tích các thông tin KTQT chi tiết có tính tư vấn giúp nhà quản trị ra quyết định.

Bảng 2. Tổng hợp khảo sát sử dụng báo cáo quản trị chi phí

TT	Báo cáo kế toán quản trị chi phí	Số lượng DN sử dụng	Tỷ lệ (%)
1	Báo cáo chi phí gắn với từng hoạt động của từng trung tâm trách nhiệm	3	12%
2	Báo cáo phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất cho từng đối tượng quản trị	12	48%
3	Báo cáo sản xuất	17	68%
4	Báo cáo chi tiết chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí cho từng đối tượng quản trị	12	48%
5	Báo cáo giá phí sản phẩm	14	56%

Nguồn: Tác giả tổng hợp

**3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ VẬN DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT GẠCH TUYNEL HẢI DƯƠNG**

Kế thừa và phát triển các mô hình nghiên cứu của Erserim (2012), Leite, A. A., Fernandes, P. O., & Leite,

J. M. (2015) và Đặng Lan Anh (2019), có hiệu chỉnh và bổ sung các thang đo cho phù hợp với đối tượng và mục tiêu nghiên cứu của bài viết, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu như sau [1]:

- Biến phụ thuộc là mức độ vận dụng KTQT chi phí trong các DNSX gạch tuynel.

- Biến độc lập gồm 6 nhóm biến: Đặc điểm cơ cấu tổ chức quản lý, văn hóa DN, trình độ trang bị công nghệ thông tin, quan điểm của nhà quản trị về công tác kế toán quản trị, trình độ của nhà quản trị và trình độ nhân viên kế toán.

Mô hình tổng quát phản ánh mối tương quan giữa mức độ vận dụng KTQT chi phí trong các DNSX gạch tuynel Hải Dương và các nhân tố ảnh hưởng được tác giả đề xuất qua phương trình hồi quy đa biến như sau:

$$M\hat{D}_i = \alpha_0 + \alpha_1TC_i + \alpha_2VH_i + \alpha_3CN_i + \alpha_4QD_i + \alpha_5TD_i + \alpha_6NV_i + \varepsilon$$

Trong đó:

- $M\hat{D}_i$ : Mức độ vận dụng KTQT chi phí trong các DNSX gạch tuynel Hải Dương;
- $TC_i$ : Đặc điểm cơ cấu tổ chức quản lý;
- $VH_i$ : Văn hóa DN;
- $CN_i$ : Trình độ trang bị công nghệ thông tin;
- $QD_i$ : Quan điểm của nhà quản trị về công tác KTQT;
- $TD_i$ : Trình độ của nhà quản trị;
- $NV_i$ : Trình độ nhân viên kế toán;
- $\alpha_0$ : Hằng số;
- $\alpha$ : Hệ số biến thiên giải thích,
- $\varepsilon$ : Phần dư và  $i$  là số quan sát.

Với các giả thiết:

*H1: Trình độ nhân viên kế toán có tác động cùng chiều tới mức độ vận dụng KTQT chi phí tại các DNSX gạch Tuynel tỉnh Hải Dương.*

*H2: Văn hóa DN có tác động cùng chiều tới mức độ vận dụng KTQT chi phí tại các DNSX gạch Tuynel tỉnh Hải Dương [1].*

*H3: Trình độ trang bị công nghệ thông tin có tác động cùng chiều tới mức độ vận dụng KTQT chi phí tại các DNSX gạch Tuynel tỉnh Hải Dương.*

*H4: Quan điểm của nhà quản trị về công tác kế toán quản trị có tác động cùng chiều tới mức độ vận dụng KTQT chi phí tại các DNSX gạch Tuynel tỉnh Hải Dương.*

*H5: Trình độ của nhà quản trị có tác động cùng chiều tới mức độ vận dụng KTQT chi phí tại các DNSX gạch Tuynel tỉnh Hải Dương.*

*H6: Đặc điểm cơ cấu tổ chức quản lý có tác động cùng chiều tới mức độ vận dụng KTQT chi phí tại các DNSX gạch Tuynel tỉnh Hải Dương [3].*

Theo Nguyễn Đình Thọ (2013), thang đo được đánh giá là chấp nhận được khi có hệ số Cronbach's Alpha  $\geq 0,6$ . Mô hình nghiên cứu sau khi thực hiện đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng Cronbach's Alpha có 7 nhân tố với 24 biến quan sát độc lập và 3 biến quan sát phụ thuộc [4].

Bảng 3. Kết quả các thang đo

Factors	Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
Trình độ nhân viên kế toán (NV)	0.695	0.697	5
Văn hóa DN (VH)	0.677	0.671	4
Trình độ trang bị công nghệ thông tin (CN)	0.660	0.673	3
Quan điểm của nhà quản trị về công tác KTQT (QD)	0.691	0.688	4
Trình độ của nhà quản trị (TD)	0.636	0.638	4
Cơ cấu tổ chức quản lý (TC)	0.722	0.717	4

Nguồn: Tác giả tổng hợp phần mềm SPSS 20

Tác giả tiếp tục đánh giá thang đo bằng kỹ thuật phân tích nhân tố khám phá (EFA) để kiểm tra tính đơn hướng [4].

Hệ số KMO đạt 0,771 cho thấy mô hình được đánh giá là tốt, rất phù hợp với nghiên cứu. Các kết quả về giá trị hội tụ cho thấy tổng phương sai trích là 63,4% trong mô hình.

Bảng 4. Hệ số KMO

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.771
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	886.274
	df	276
	Sig.	.000

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ phần mềm SPSS 20

Bảng 5. Kiểm định Anonva

ANOVA <sup>a</sup>						
Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	
1	Regression	37.520	6	6.253	33.159	.000 <sup>b</sup>
	Residual	22.442	119	.189		
	Total	59.962	125			

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ phần mềm SPSS 20

Kiểm định sự phù hợp của mô hình cho thấy: Với phân tích ANOVA có sig= 0,000.

Kết quả chạy hồi quy mô hình cho thấy các biến số trong mô hình đều có tác động cùng chiều tới mức độ

vận dụng KTQT chi phí tại các DNSX gạch tuynel tỉnh Hải Dương. Nghiên cứu chấp nhận cả 6 giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5, H6.

Bảng 6. Kết quả chạy hồi quy mô hình

Coefficients <sup>a</sup>											
Model	B	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig. Zero-order	Correlations			Collinearity Statistics	
		Std. Error	Beta				Partial	Part	Tolerance	VIF	
1	(Constant)	-1.085	.328		-3.309	.001					
	NV	.329	.094	.254	3.484	.001	.621	.304	.195	.592	1.689
	VH	.195	.079	.175	2.472	.015	.570	.221	.139	.626	1.597
	CN	.192	.064	.183	3.008	.003	.414	.266	.169	.850	1.176
	QD	.191	.085	.159	2.249	.026	.557	.202	.126	.631	1.586
	TD	.192	.085	.160	2.257	.026	.569	.203	.127	.630	1.588
	TC	.221	.068	.212	3.230	.002	.534	.284	.181	.732	1.366

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả mô hình nghiên cứu, phần mềm hỗ trợ SPSS 20

Mô hình hồi quy có kết quả như sau:

$$M\text{Đ} = -1.085 + 0.329NV + 0.195 VH + 0.192CN + 0.191QD + 0.192TD + 0.221TC$$

Dựa vào hệ số hồi quy chuẩn hóa, thứ tự ảnh hưởng của các nhân tố sắp xếp theo chiều giảm dần như sau: Nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất là “Trình độ nhân viên kế toán” (std.= 0,254); thứ hai là nhân tố “Đặc điểm cơ cấu tổ chức quản lý” (std.= 0,212); thứ ba là nhân tố “Trình độ trang bị công nghệ thông tin” (std.= 0,183); thứ tư là nhân tố “Văn hóa DN” (std.= 0,175); thứ năm là nhân tố “Trình độ của nhà quản trị” (std.= 0,160) và cuối cùng là nhân tố Quan điểm của nhà quản trị về công tác KTQT” (std.= 0,159) [2].

#### 4. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÁC DN SẢN XUẤT GẠCH TUYNEL TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Thứ nhất*, về trình độ nhân viên kế toán.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra trình độ nhân viên kế toán ảnh hưởng lớn nhất đến mức độ vận dụng KTQT chi phí trong các DNSX gạch tuynel tỉnh Hải Dương. Như vậy, nếu nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kế toán tốt; hiểu biết sâu về KTQT chi phí; thành thực trong ứng dụng phần mềm kế toán và các phần mềm khác trong quản trị DN; trình độ ứng dụng công nghệ thông tin thông thạo; có khả năng tiếp nhận thay đổi, kỹ năng tư duy, phản biện và phân tích tốt thì kế toán quản trị chi phí sẽ góp phần quan trọng trong việc đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin chi phí phục vụ lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch cũng như nhu cầu thông tin chi phí phục vụ kiểm soát, đánh giá

và ra quyết định của nhà quản trị DN. Vì vậy, DN cần có kế hoạch bồi dưỡng cập nhật, kiến thức, nâng cao trình độ kế toán trong đó có KTQT. Khi tuyển dụng mới cần kiểm tra cả kiến thức KTQT của ứng viên. DN nên áp dụng các khung tiêu chí đánh giá năng lực và kết quả thực hiện của các cá nhân bộ phận trong hệ thống KTQT nói riêng, hệ thống kế toán và trong toàn hệ thống của DN, các đơn vị có thể xem xét xây dựng hệ số đánh giá kết quả KPI vào trong nội bộ DN [5].

*Thứ hai*, hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, cơ chế hoạt động của đơn vị.

Nhân tố đặc điểm cơ cấu tổ chức quản lý có tác động cùng chiều đến mức độ vận dụng KTQT chi phí trong các DNSX gạch tuynel tỉnh Hải Dương. Các DN cần hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý cũng như cơ chế quản lý hoạt động phù hợp với điều kiện và môi trường kinh doanh thực tế cũng như cần phải linh hoạt trong các bối cảnh cụ thể để dễ dàng ứng phó với những biến động của thị trường trong và ngoài nước. Tăng cường quản trị kiểm soát nội bộ, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản của DN một cách có hiệu quả. Thực hiện rà soát, hoàn chỉnh hệ thống định mức, lập dự toán chi phí, xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá phù hợp. Các DN cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, quy mô sản xuất kinh doanh, cơ chế quản lý tài chính. Xác định mối quan hệ giữa các bộ phận trong hoạt động tác nghiệp và mối quan hệ giữa các thành viên trong bộ máy kế toán. Chủ động xây dựng hệ thống KTQTCP trong DN từ đó từng bước vận dụng các nội dung của KTQTCP phù hợp, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong DN.

*Thứ ba*, tăng cường trang bị công nghệ thông tin phục vụ công tác kế toán quản trị.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ thuận chiều của trình độ trang bị công nghệ thông tin đến mức độ vận dụng KTQT chi phí trong các DNSX gạch tuynel tỉnh Hải Dương. Nếu các DN được trang bị hệ thống máy tính hiện đại về chức năng và kỹ thuật để tương thích với các phần mềm kế toán tích hợp trong hệ thống hoạch định nguồn lực DN (ERP), song song với đó là một hệ thống công nghệ thông tin có sự kết nối giữa các bộ phận trong DN thì tốc độ và chất lượng thông tin chi phí được xử lý và cung cấp sẽ đảm bảo tính thường xuyên, kịp thời, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin chi phí phục vụ các chức năng quản trị DN. Các DN có thể nghiên cứu đầu tư triển khai đưa hệ thống ERP vào hỗ trợ công tác kế toán đặc biệt KTQTCP trong DN. Việc đưa phần mềm ERP vào hoạt động sẽ mang lại hiệu quả kinh tế tích cực lâu dài lớn hơn so với chi phí bỏ ra ban đầu đầu tư phần mềm [6].

*Thứ tư*, DN phải xây dựng được văn hóa DN mạnh, có sự đồng thuận cao để cùng hướng đến mục tiêu chung từ chiến lược kinh doanh của DN. Văn hóa DN như: Hỗ trợ, cải tiến và quản lý theo mục tiêu có tác động đến vận dụng kế toán quản trị. Một DN có tinh thần làm việc tập thể, giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành mục tiêu chung sẽ thúc đẩy tốt vận dụng KTQT. Các nhà quản trị phải đồng lòng, đoàn kết thực hiện mục tiêu của DN, thực hiện phối kết hợp hoặc tương trợ lẫn nhau giữa các bộ phận, phòng ban. Nhà quản trị cần phải nắm rõ thông tin mình cần là gì và yêu cầu cụ thể đối với nhân viên kế toán, đồng thời nhà quản trị cần định hướng thông tin rõ ràng thông qua cụ thể hóa các chiến lược kinh doanh, mục tiêu của DN.

*Thứ năm*, nâng cao trình độ của nhà quản trị: Nghiên cứu chỉ ra mức độ vận dụng KTQT chi phí trong các DNSX gạch tuynel chịu tác động thuận chiều bởi nhân tố trình độ của nhà quản trị DN. Trên cơ sở đó, DN cần tăng cường đào tạo bồi dưỡng, tập huấn đối với đội ngũ lãnh đạo trong các DN. Tăng cường tuyển dụng, đánh giá, rà soát năng lực của nhà quản trị dựa trên kết quả thực hiện trong khung thời gian thử thách hoặc thông qua hệ thống KPI để đánh giá, phân loại, xa thải.

*Thứ sáu*, nâng cao nhận thức, đổi mới quan điểm của nhà quản trị về công tác kế toán quản trị: Bên cạnh các nhân tố về cơ cấu tổ chức quản lý, trình độ của nhà quản trị thì kết quả nghiên cứu cho thấy quan điểm của nhà quản trị về công tác KTQT cũng là một nhân tố có tác động cùng chiều đến mức độ vận dụng KTQT chi phí trong các DNSX gạch tuynel tỉnh Hải Dương. Khi nhà quản trị đánh giá một cách đầy đủ về vai trò thông tin KTQT nói chung và thông tin KTQT chi phí nói riêng đến việc thực hiện các chức năng quản trị, quan tâm thiết lập các chính sách và hướng dẫn tổ chức các nội dung KTQT trong đó có các nội dung về KTQT chi phí,

sự cam kết và thực thi một cách mạnh mẽ trong đầu tư nguồn lực về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu công tác KTQT chi phí, cùng với đó là lộ trình bài bản trong đào tạo và bồi dưỡng nhân viên kế toán phát triển trình độ chuyên môn và năng lực nghề nghiệp sẽ là những yếu tố quan trọng thúc đẩy mức độ vận dụng KTQT chi phí trong các DNSX

*Thứ bảy*, thiết kế xây dựng hệ thống thông tin KTQTCP trong DN phù hợp, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Xây dựng mô hình KTQTCP kết hợp với Kế toán tài chính sao cho các mô hình này có sự liên kết, truyền đạt thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ lẫn nhau. Thiết kế và hướng dẫn trình tự lập, luân chuyển và xử lý các chứng từ kế toán nội bộ, chi tiết, cụ thể phục vụ cho thu thập thông tin. Xây dựng và hoàn chỉnh các tài khoản kế toán chi tiết, thiết kế các mẫu sổ, báo cáo KTQTCP phù hợp với mục tiêu và nhu cầu của nhà quản trị DN. Thông tin KTQTCP cần có sự phối hợp thông tin với các bộ phận chức năng trong DN như phòng kinh doanh, phòng vật tư, phòng kế hoạch, bộ phận sản xuất,...

## 5. KẾT LUẬN

KTQT chi phí chính là công cụ quản trị cơ bản và chủ chốt giúp các DNSX gạch tuynel nói riêng và các DNSX nói chung có thể kiểm soát chi phí, cân nhắc và đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế.

Bài viết đã nghiên cứu thực trạng KTQTCP và các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ vận dụng KTQTCP trong các DNSX gạch tuynel trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Từ đó, xác định được 6 nhân tố tác động cùng chiều đến mức độ vận dụng KTQTCP trong các DN. Việc hoàn thiện KTQTCP bằng việc nâng cao trình độ nhân viên kế toán; tăng cường trang bị công nghệ hiện đại phục vụ KTQT; xây dựng văn hóa DN mạnh; hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, cơ chế hoạt động của đơn vị; đổi mới quan điểm của nhà quản trị DN trong việc nhìn nhận một cách đúng đắn vai trò, chức năng của KTQTCP,... là những giải pháp được tác giả đề xuất dựa trên kết quả nghiên cứu và khảo sát năm 2023. Các vấn đề được đề cập trong bài báo này tạo tiền đề cho việc mở rộng nghiên cứu KTQTCP trong các DNSX trong bối cảnh sự phát triển không ngừng của nền kinh tế xã hội cũng như cuộc Cách mạng công nghệ 4.0.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Erserim, A (2012), *The Impacts of Organizational Culture, Firm's Characteristics and External Environment of Firms on Management Accounting Practices: An Empirical Research on Industrial Firms in Turkey*, Procedia - Social and Behavioral Sciences, 62, 372-374.

- [2]. Leite, A. A., Fernandes, P. O., & Leite, J. M. (2015), *Contingent factors that influence the use of management accounting practices in the Portuguese textile and clothing sector*, The International Journal of Management Science and Information Technology, Special Issue: 2015 Spanish-Portuguese Scientific Management Conference (59- 78).
- [3]. Đặng Lan Anh (2019), *Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí tại các khách sạn thuộc tập đoàn Mường Thanh*, Luận án tiến sĩ, Học viện Tài chính.
- [4]. Nguyễn Đình Thọ (2013), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB Tài chính.
- [5]. Lã Thị Thu (2021), *Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí trong các DN sản xuất thuốc lá thuộc tổng công ty thuốc lá Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Học viện tài chính.
- [6]. Tô Minh Thu (2019), *Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ vận dụng kế toán quản trị chi phí trong các DN*, Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng.

---

#### AUTHOR INFORMATION

**Dinh Thi Kim Thiet**

*Corresponding Author: duongkhanh2010@gmail.com*

Sao Do University.

# THẺ LỆ GỬI BÀI

## TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (P. ISSN 1859-4190, E. ISSN 2815-553X), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về tòa soạn dưới dạng file điện tử (\*.doc \*.docx và \*.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phản biện thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do tòa soạn mời. Tòa soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03÷05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 × 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10, giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2.5cm, dưới 2.5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (\*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng Mathtype hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
  - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
  - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.
  - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngày cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ [http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format\\_paper](http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper)  
Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

### THÔNG TIN LIÊN HỆ:

**Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ**

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ.

Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: [tapchikhcn@saodo.edu.vn](mailto:tapchikhcn@saodo.edu.vn)

**Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, Số 1 (84) 2024**



**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

Địa chỉ:

- Số 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Số 2: Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại: (0220) 3882 269 Fax: (0220) 3882 921 Website: <http://saodo.edu.vn> Email: [info@saodo.edu.vn](mailto:info@saodo.edu.vn)

P. ISSN 1859-4190  
E. ISSN 2815-553X

**Số 1 (84)**  
**2024**

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/>Email: [tapchikhcn@saodo.edu.vn](mailto:tapchikhcn@saodo.edu.vn).

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.  
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.